
Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 12 - 2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Kiều Duy Chinh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thu Hương.

Ông Nguyễn Văn Học.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Mơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 2001; có mặt.

Địa chỉ: G, xã K, huyện G, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1996; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn HT 2, xã HT, huyện P, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn xin ly hôn và các Bản tự khai tiếp theo tại Tòa án, chị Phạm Thị Hồng N trình bày như sau: Chị và anh Đỗ Văn T có thời gian tìm hiểu và quyết định T tới hôn nhân cùng nhau. Anh chị Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện P, Thành phố Hà Nội vào ngày 19/02/2020. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh T tại thôn HT 2, xã HT, huyện P, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, chị và anh T chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế khó khăn. Chị bận con nhỏ không đi làm được còn anh T thì lại chơi bời, không chịu làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Thi thoảng thì anh T có đánh chị. Bố mẹ hai bên có biết việc vợ chồng

anh chị mâu thuẫn và có khuyên giải nhưng không thay đổi được tình hình. Chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 11/2021, chị có làm Đơn xin ly hôn anh T và được Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết. Nhưng sau đó anh T đã xin lỗi và bố mẹ chị có khuyên bảo nên chị rút đơn khởi kiện về để vợ chồng tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, khi về chung sống thì tình hình vợ chồng giữa chị và anh T vẫn không thay đổi. Anh T vẫn không chịu tu chí làm ăn, vợ chồng tiếp tục xảy ra cãi nhau. Từ mâu thuẫn của vợ chồng chị đã kéo theo mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng vì mẹ anh T rất bệnh con. Từ tháng 8/2022 cho đến nay, chị tiếp tục đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh T cũng không xuống nhà bố mẹ chị lần nào và cũng không có động thái níu kéo gì cả. Ngày 20/10/2022, anh T xuống chỗ làm của chị bảo chị ra ngoài nói chuyện và đòi đón con nhưng chị bận làm nên không về được thì anh T đánh chị sưng mặt. Tối ngày 30/10/2022, anh T gọi điện cho chị bảo là “Mày muốn làm gì thì làm, thích ly hôn thế nào thì ly hôn chứ tao không đến Tòa giải quyết”. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để chị sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Đỗ Văn Anh Đ, sinh ngày 08/9/2020, hiện nay cháu đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị đang làm công nhân may tại huyện G, thu nhập trung bình mỗi tháng của chị là 7.000.000 đồng và chị có chỗ ở ổn định là nhà của bố mẹ chị tại huyện G, bố mẹ chị chỉ có mình chị là con.

+ Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

Ngoài ra, chị N không cung cấp thêm thông tin gì khác.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã T hành lấy lời khai của mẹ đẻ chị N là bà Nguyễn Thị T và được bà Toan cho biết như sau: Bà là mẹ đẻ của chị chị Phạm Thị Hồng N. Tháng 02/2020, chị N kết hôn cùng anh Đỗ Văn T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn HT 2, xã HT, huyện P, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị N về chung sống cùng gia đình anh T tại huyện P, Thành phố Hà Nội và có với nhau 01 con chung là cháu Đỗ Văn Anh Đ, sinh ngày 08/9/2020. Quá trình chung sống, chị N tâm sự với bà là vợ chồng chị không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, không chịu làm ăn. Hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và nhiều lần anh T đánh đập chị N. Chị N đã từng đưa con về nhà bà ở một thời gian và bày tỏ nguyện vọng muốn ly hôn anh T. Tháng 11/2021, chị N làm đơn xin ly hôn anh T và được Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết. Nhưng sau đó anh T đã xin lỗi và bà có khuyên giải con về vợ chồng đoàn tụ để nuôi con nên chị N đã rút đơn xin ly hôn để về chung sống cùng anh T. Tuy nhiên, chỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì hai vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Chị N đã đưa con về sống tại nhà bà từ tháng 8/2022 cho đến nay. Từ đó, anh T cũng không xuống nhà bà lần nào cả. Hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian gần đây, khi chị N tiếp tục làm đơn xin ly hôn thì anh T đã tìm gặp và đánh chị N thậm tệ. Bà thấy quan hệ vợ chồng của chị N và anh T là không thể hàn gắn được nữa. Chị N xin ly hôn gia đình bà hoàn toàn nhất trí ủng hộ. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh T để chị N sớm ổn định cuộc sống.

Tòa án đã T hành xác minh tại địa phương thì được đại diện thôn HT 2, xã HT cho biết như sau: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1996 là người dân sống tại thôn HT 2, xã HT, huyện P, Thành phố Hà Nội. Anh T kết hôn cùng chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 2001 là người ở huyện G. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T chị N sống cùng bố mẹ anh T tại thôn HT 2, xã HT. Quá trình chung sống tại địa phương có nghe phản ánh là chị N và anh T thường xuyên

xảy ra cãi nhau. Thậm chí, giữa chị N và bố mẹ anh T cũng xảy ra cãi nói nhau. Có lần, chị N đã đưa con chung của vợ chồng chị bỏ đi. Chị N từng làm đơn xin ly hôn anh T sau đó vợ chồng lại về ở với nhau nhưng vẫn không thay đổi được tình hình. Thời gian gần đây chị N lại đưa con bỏ đi tiếp. Anh T vẫn sống cùng bố mẹ tại địa phương nhưng không tu chí làm ăn. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã T hành triệu tập và niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh Đỗ Văn T nhưng anh T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án và không đến Tòa án để làm việc. Vì vậy, Tòa án không T hành ghi được lời khai của anh T cũng như không T hành được các thủ tục tố tụng khác.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh T và đề nghị được nuôi con chung của chị và anh T là cháu Đỗ Văn Anh Đ, sinh ngày 08/9/2020. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

Anh T vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội để chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Phạm Thị Hồng N được ly hôn anh Đỗ Văn T. Về con chung: Giao cháu Đỗ Văn Anh Đ, sinh ngày 08/9/2020 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đỗ Văn T. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ: Không có. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội thụ lý vụ án theo Đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng N. Bị đơn là anh Đỗ Văn T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã HT, huyện P, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt đối với anh Đỗ Văn T.

[2]. Về nội dung:

Chị Phạm Thị Hồng N và anh Đỗ Văn T kết hôn hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện P, Thành phố Hà Nội vào ngày 19/02/2020. Quá trình sống chung, chị N và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị N cho biết là do vấn đề kinh tế khó khăn. Chị bận con nhỏ không đi làm được còn anh T thì chơi bời, không chịu làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Thi thoảng thì anh T có đánh chị. Chị đã nhiều lần đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở và làm đơn xin ly hôn anh T, sau đó anh T đến xin lỗi để vợ chồng về ở với nhau, nhưng anh T vẫn không thay đổi tính tình, vẫn chơi bời và không chịu làm ăn nên không thay đổi được tình hình. Từ mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng chị. Từ tháng 8/2022 cho đến nay, chị tiếp tục đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N kiên quyết xin ly hôn anh T vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Phía anh T vắng mặt nhưng qua xác minh tại địa phương thì địa phương cũng cung cấp cho Tòa án biết trong quá trình chung sống vợ chồng chị N, anh T thường xuyên xảy ra cãi, nói nhau. Chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó lại quay lại gia đình anh T chung sống nhưng tình hình vợ chồng vẫn không thay đổi. Thời gian gần đây, chị N tiếp tục đưa con bỏ đi còn anh T vẫn sống cùng bố mẹ đẻ tại địa phương. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị N được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Đỗ Văn Anh Đ, sinh ngày 08/9/2020, hiện nay cháu đang sống cùng chị N. Nguyên vọng của chị N là được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của các bên để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung. Hiện nay, cháu Đ đang dưới 36 tháng tuổi cần được sự quan tâm, chăm sóc đặc biệt của mẹ. Chị N có đủ điều kiện để nuôi con nên chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Đỗ Văn Anh Đ cho chị N nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Do chị N không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức và nợ: Chị Phạm Thị Hồng N xác định không có nên chị không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng N:

+ Chị Phạm Thị Hồng N được ly hôn anh Đỗ Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Đỗ Văn Anh Đ, sinh ngày 08/9/2020 cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi chị N có yêu

cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

+ Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0040268 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, Thành phố Hà Nội.

Chị Phạm Thị Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã HT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Kiều Duy Chinh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phỳc Thọ;
- THADS huyện Phỳc Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÊN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÁN